

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2024/DS-ST.

Ngày: 27/9/2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR – TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Trần Thị Nhã Phương

Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng và ông Y Yao Bkrông.

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết– Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh nguyệt – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2024/TLST – DS, ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-DS, ngày 20/8/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐST -DS ngày 11/9/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu C. Nơi cư trú: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy B. Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

* **Bị đơn:** Ông Hoàng Xuân T, bà Hoàng Thị D. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Duy B trình bày:**

Do quen biết nên ngày 27/11/2022 bà Nguyễn Thị Thu C đã cho Hoàng Xuân T, bà Hoàng Thị D vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn trả ngày 25/12/2022. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và ông T có ký tên trong giấy vay tiền, vì ông T và bà D là vợ chồng nên khi đó bà C chỉ yêu cầu ông T ký tên nhận nợ.

Tuy nhiên cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ đã lâu, bà C đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà D trả số nợ trên, nhưng ông T bà D không trả, luôn lẩn tránh, khát nợ nhiều lần.

Do đó, bà C đã có đơn yêu cầu khởi kiện buộc ông T, bà D phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà C số tiền nợ gốc 100.000.000đ.

Nay bà C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà D phải có trách nhiệm cùng trả nợ. Bà C chỉ yêu cầu buộc ông Hoàng Xuân T phải trả cho bà C số tiền nợ gốc là 100.000.000đ, bà C không yêu cầu tiền lãi.

*Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Hoàng Xuân T, bà Hoàng Thị D nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình..

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện EaKar đã ban hành các văn bản tố tụng, triệu tập các đương sự để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng bị đơn không tham gia để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ *Về tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 198 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: Xét chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hoàng Xuân T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu C số tiền vay gốc là 100.000.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự, Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu C yêu cầu buộc ông Hoàng Xuân T phải trả cho bà C số tiền nợ gốc là 100.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 27/11/2022, thời hạn vay đến ngày 25/12/2022.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Hoàng Xuân T thông qua mẹ của ông T là bà Lê Thị Vỹ. Nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp ý kiến trình bày để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS giấy vay tiền ngày 27/11/2022 do nguyên đơn cung cấp thì không phải chứng minh.

Xét nội dung giấy vay tiền ngày 27/11/2022 thể hiện ông Hoàng Xuân T có vay bà C số tiền là 100.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 25/12/2022. Nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông T chưa trả cho bà C khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu C về việc ông T còn nợ số tiền 100.000.000đ nợ gốc là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Về lãi suất, nguyên đơn bà C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Theo đơn khởi kiện, bà C đã có đơn yêu cầu khởi kiện buộc ông T, bà D phải cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà C số tiền nợ gốc 100.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án bà C có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà D phải có trách nhiệm cùng trả nợ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Hoàng Thị D phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà C.

[4] Về án phí: - Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị đơn ông T phải chịu 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu C số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp (do bà Nguyễn Thị Long nộp thay) theo biên lai thu số AA/2022/0004984 ngày 30/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227, 228, 233, 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 288; 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu C .

Buộc ông Hoàng Xuân T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu C số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Xuân T còn phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu C khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2]. Về án phí:

Bị đơn ông Hoàng Xuân T phải chịu 5.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu C số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp (do bà Nguyễn Thị Long nộp thay) theo biên lai thu số AA/2022/0004984 ngày 30/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

[3]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai theo quy định

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhã Phương